

Số: 136 /TB-BVAB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về mời chào giá gói thầu Bảo trì và thay thế linh kiện hệ thống vận chuyển mẫu bệnh phẩm tự động năm 2024

Kính gửi: Quý Công ty (Nhà thầu)

Bệnh viện An Bình kính mời các đơn vị có năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây, vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

- Tên gói thầu: Bảo trì và thay thế linh kiện hệ thống vận chuyển mẫu bệnh phẩm tự động năm 2024.
- Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Loại hợp đồng: hợp đồng trọn gói.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện An Bình - số 146 An Bình, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.
- Yêu cầu về chào giá: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí khác có liên quan.
- Thời gian nhận hồ sơ chào giá: **trước 16 giờ 00 phút ngày 29 tháng 02 năm 2024** hoặc đến khi Bệnh viện nhận đủ báo giá theo quy định.
- Tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: quý đơn vị gửi bản giấy hồ sơ chào giá có ký tên, đóng dấu về địa chỉ: **Tổ mua sắm**, Bệnh viện An Bình - số 146 An Bình, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; người nhận: **Thục Uyên (SĐT: 0901 43 77 87)**.
- Yêu cầu khác: hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:
  - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) theo mẫu đính kèm.
  - + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu (nếu có);
  - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực, hoặc ký từ năm 2023 trở về sau; trong đó, phải có hạng mục tương tự của hàng hóa, dịch vụ mời chào giá (nếu có).

Trân trọng./.

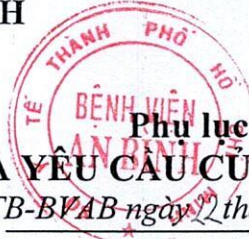
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TMS (TQ.03)

TUQ. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Minh Đức



Phụ lục I:

**DANH MỤC VÀ YÊU CẦU CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

(Kèm theo Thông báo số 16/TB-BVAB ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Bệnh viện An Bình)

| Stt | Danh mục hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|----------------------------|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I.  | Bảo trì                    |             |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1.  | Trạm - Stations            | Cái         | 13       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra chức năng công tắc trong tình trạng hoạt động (switches).</li><li>- Kiểm tra cơ cấu và công tắc giới hạn vị trí của van trượt (magnet).</li><li>- Kiểm tra hoạt động của tất cả các chế độ điều khiển (Mode).</li><li>- Kiểm tra hiệu chỉnh các cơ cấu tay xoay – công.</li><li>- Kiểm tra việc rò rỉ của trạm.</li><li>- Vệ sinh ron cao su, báo thay thế nếu cần thiết.</li><li>- Vệ sinh các bộ phận xoay – trượt.</li></ul> |
| 2.  | Hộp chuyển/ Carriers       | Cái         | 39       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra tình trạng các khớp xoay.</li><li>- Kiểm tra các roan vòng xoay và báo thay thế nếu cần thiết.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3.  | Máy nén khí/ Blower        | Cái         | 01       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra chức năng hoạt động của van đảo chiều (3-way valve).</li><li>- Kiểm tra tình trạng hoạt động máy nén khí.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 4.  | Bộ chia/ Diverter          | Cái         | 02       | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra chức năng xoay và hoạt động của ống chữ S (S-Tube).</li><li>- Kiểm tra vị trí chính xác của các cổng (port).</li><li>- Kiểm tra chức năng của công tắc hành trình (tube switch).</li><li>- Vệ sinh các roan làm kín của trạm trung chuyển dạng S.</li><li>- Kiểm tra độ kín khít của các đệm che kín. Báo thay thế nếu cần thiết.</li></ul>                                                                                     |



| Stt       | Danh mục hàng hóa, dịch vụ                 | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------|--------------------------------------------|-------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                            |             |          | - Kiểm tra độ lệch của ống xoay dạng S.                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5.        | Thiết bị giảm tốc – Slow Speed             | Cái         | 01       | Kiểm tra tình trạng hoạt động.                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 6.        | Bộ hộp tử điện/Bộ nguồn 24 VDC/ Power pack | Cái         | 01       | - Kiểm tra điện thế tại bộ cấp nguồn 24VDC & 230V AC.<br>- Kiểm tra điện thế tại máy bơm.<br>- Kiểm tra tình trạng siết chặt của các bulong.<br>- Kiểm tra tình trạng cắm chặt của các tiếp điểm.                                                                                                                   |
| 7.        | Vệ sinh chung/ General Cleaning            |             |          | <i>Thực hiện kiểm tra, bảo trì hệ thống vận chuyển mẫu bệnh phẩm tự động định kỳ 3 tháng/lần (4 lần/năm).</i>                                                                                                                                                                                                       |
| <b>II</b> | <b>Thay thế linh kiện</b>                  |             |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1.        | Valve 1 chiều                              | Cái         | 01       | - Chất liệu: đồng hoặc sắt, lá van cao su đàn hồi.<br>- Công dụng: điều tiết giảm khí.<br>- Vị trí lắp đặt: lắp đặt tại phòng máy.                                                                                                                                                                                  |
| 2.        | Ron diverter                               | Cái         | 02       | - Chất liệu: nhựa.<br>- Công dụng: làm kín khí, linh kiện lắp đặt tại Diverter OD110.<br>- Kích thước: hình tròn, OD110.                                                                                                                                                                                            |
| 3.        | Cảm biến quang                             | Cái         | 02       | - Công dụng: dùng để đọc - truyền dữ liệu về hành trình của hộp chuyển.<br>- Phạm vi cảm biến: 2-45mm.<br>- Nguồn sáng LED hồng ngoại 880mm.<br>- Lớp bảo vệ: có khả năng chống bụi và chống nước.<br>- Tần số chuyển đổi cao nhất: 200Hz.<br>- Nguồn cung cấp: 16-28VDC.<br>- Nhiệt độ hoạt động: -25°C đến +50°C. |

| Stt | Danh mục hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|----------------------------|-------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                            |             |          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ bảo quản: -40°C đến +70°C.</li> <li>- Được bọc bởi 1 lớp cáp tích hợp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4.  | Cảm biến từ                | Cái         | 02       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: kim loại từ.</li> <li>- Công dụng: vật tư, linh kiện trạm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 5.  | Ron cao su hộp chuyển      | Cái         | 30       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa, cao su.</li> <li>- Công dụng: phụ kiện hộp chuyển, làm kín khí khi di chuyển trong hệ thống ống.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 6.  | Bàn phím đứng trạm         | Cái         | 02       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn cung cấp: 16-28VDC.</li> <li>- Công dụng: nhập lệnh gửi, cài đặt các thông số của trạm. Hiển thị các trạng thái của trạm.</li> <li>- Màn hình cho người dùng biết điểm đến và các chức năng đặc biệt bằng văn bản (2 dòng mỗi dòng 24 chữ).</li> <li>- Chế độ dịch vụ tích hợp cho phép kiểm tra chức năng mở rộng tại trạm và phản hồi trực tiếp lên màn hình.</li> <li>- Màn hình 7" (165x100mm).</li> <li>- Màn hình có thể sử dụng bởi bàn phím, kết nối tới 10 điểm trong hệ thống.</li> </ul> |
| 7.  | Bo mạch trạm AC 3000       | Cái         | 01       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bo mạch điều khiển trạm.</li> <li>- Công dụng: bo mạch điều khiển trạm.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 8.  | Bo mạch diverter AC 3000   | Cái         | 01       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bo mạch điều khiển diverter.</li> <li>- Công dụng: bo mạch điều khiển Diverter.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 9.  | Cùm inox OD110             | Cái         | 02       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ.</li> <li>- Công dụng: dùng để nối các vị trí ống.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| Stt | Danh mục hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Yêu cầu kỹ thuật                                                        |
|-----|----------------------------|-------------|----------|-------------------------------------------------------------------------|
|     |                            |             |          | - Kích thước: OD110.                                                    |
| 10. | Ron nhám hộp chuyển        | Cái         | 60       | Công dụng: giảm ma sát của hộp chuyển khi di chuyển trong hệ thống ống. |

**Ghi chú:**

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong phần yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “cao hơn” so với yêu cầu./.

**Phụ lục II:**  
**MẪU CHÀO GIÁ**

(Kèm theo Thông báo số 136/TB-BVAB ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Bệnh viện An Bình)

Công ty:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

**BẢNG BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện An Bình.

Địa chỉ: 146 An Bình, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Thông báo số     /TB-BVAB ngày    tháng 01 năm 2024 của Bệnh viện An Bình về mời chào giá. Công ty... báo giá như sau:

| Stt | Danh mục hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Mô tả kỹ thuật |
|-----|----------------------------|-------------|----------|---------|------------|----------------|
| (1) | (2)                        | (3)         | (4)      | (5)     | (6)        | (7)            |
|     | ...                        |             |          |         |            |                |
|     | Tổng cộng                  |             |          |         |            |                |
|     | Thuế                       |             |          |         |            |                |
|     | Tổng thành tiền            |             |          |         |            |                |

**Ghi chú:**

1. Giá chào là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và phí vận chuyển, bàn giao.

2. Dịch vụ của công ty (nhà thầu) đáp ứng yêu cầu được nêu trong phần yêu cầu kỹ thuật của Thông báo mời chào giá.

3. Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày...tháng...năm 2024.

Ngày ... tháng ... năm 2024

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)